

Bản án số: 686/2025/HC-PT
Ngày: 04-6-2025
V/v khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Nguyễn Văn Minh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Tú Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hiến, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 129/2025/TLPT-HC ngày 21/02/2025 về việc “Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2024/HC-ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ có kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1339/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Lê Văn B, sinh năm 1936; Địa chỉ: khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn B: Ông Trịnh Hoàng K, sinh năm 1981; Địa chỉ: D T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 29/8/2023, có mặt).

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân quận T; Địa chỉ: khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn T, Chức vụ: Quyền Chủ tịch (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Minh T1, Chức vụ: Phó chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 25/01/2024, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1944; Cùng địa chỉ ông Lê Văn B (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1980; Địa chỉ: C L, thôn V, xã K, huyện C, Đài Loan, Trung Quốc (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp: Ông Trịnh Hoàng K (có căn cước nêu trên, theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2024, có mặt).

- *Người kháng cáo:* UBND quận T là người bị kiện.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn B, có người đại diện là ông Trịnh Hoàng K trình bày:

Nguồn gốc đất là do cha mẹ cho ông B để lại và đã sử dụng từ trước năm 1975. Đến ngày 26/9/1990 được UBND huyện T (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 3217/GCNRĐ mang tên Lê Văn B. Đến năm 1997 khi Nhà nước có quy định đổi sang giấy bìa đỏ, ông B làm thủ tục xin cấp đổi thì được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới nhưng UBND huyện T lại tự ý ghi là cấp cho “*Hộ Lê Văn B*”. Việc làm này đã và đang gây khó khăn, trở ngại cho ông, gây mâu thuẫn nội bộ gia đình ông. Thậm chí là ông bị con cái đòi chia đất, kiện tụng ra Tòa để giải quyết về tài sản chung trong Hộ.

Cụ thể là tại Bản án phúc thẩm số 01/2021/DS-PT ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã xác định rõ ông B là người quản lý, sử dụng đất từ trước năm 1975. Khi ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu thì các con của ông còn nhỏ, không có công đóng góp, tạo lập nên tài sản này và nhà nước đã công nhận quyền sử dụng cho cá nhân ông, đây là tài sản đồng sở hữu của vợ chồng ông theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959. Khi đăng ký để cấp đổi sang giấy chứng nhận mới, ông không yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất này thành tài sản chung của H, ông cũng không cung cấp hồ sơ, giấy tờ để chứng minh thành viên hộ cho UBND huyện T, các con ông thì không có đóng góp công sức để tạo lập nên khối tài sản này. Việc tự ghi nhận tài sản cá nhân ông thành tài sản chung của Hộ gia đình là do sai sót trong quá trình làm thủ tục, hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận của UBND huyện T. Phán quyết trong Bản án phúc thẩm số 01/2021/DS-PT nói trên đã nêu rõ: “*Buộc bị đơn ông Lê Văn N1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Ngọc T3 đang quản lý, sử dụng phải có trách nhiệm giao trả lại cho nguyên đơn ông Lê Văn B phần đất qua đo đạc có tổng diện tích 472,8m² (ký hiệu B, C)...Đồng thời, ông B phải bồi hoàn, hỗ trợ giá trị tài sản gắn liền trên đất cho bị đơn là 100 triệu đồng. Số tiền này ông B đã tự mình thực hiện xong*”.

Khi ông lập thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo Bản án số 01/2021/DS-PT, thì UBND quận T cấp cho Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04136 ngày 19/9/2022 cho “*Hộ ông Lê Văn B*”. Ông đã làm đơn yêu cầu

UBND quận T cứu xét thu hồi lại giấy chứng nhận cấp cho H, nhưng không có phản hồi.

Ông khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04136 ngày 19/9/2022 do UBND quận T cấp cho hộ ông Lê Văn B; buộc UBND quận T cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân ông Lê Văn B.

Theo văn bản trình bày ý kiến của UBND quận T thể hiện:

Theo hồ sơ địa chính thể hiện hộ ông Lê Văn B được UBND huyện T (trước đây) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000059 ngày 03/4/1997 tại thửa đất số 156, 232, 225; trong đó thửa đất 232/499m² (đất T 300m², đất LNK 199m²), thuộc tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T (nay là khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ).

Ngày 05/01/2021, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ có Bản án số 01/2021/DS-PT về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất giữa nguyên đơn ông Lê Văn B và bị đơn ông Lê Văn N1; quyết định như sau:

1. Buộc bị đơn ông Lê Văn N1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Ngọc T3 đang quản lý sử dụng phải có trách nhiệm giao trả cho nguyên đơn ông Lê Văn B phần đất qua đo đạc có tổng diện tích 472,8m² (ký hiệu B, C) bao gồm 02 phần: Phần đất ký hiệu C có diện tích 209,7m², phần đất ký hiệu B có diện tích 263,1m² thuộc thửa đất số 232, loại đất ODT, LNK, tờ bản đồ số 07 do hộ ông Lê Văn B đứng tên chủ sử dụng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000059 được UBND huyện T cấp ngày 03/4/1997 đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện T (cũ), tỉnh Cần Thơ (nay là khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ) và các tài sản gắn liền với đất gồm...

2. Công nhận cho bị đơn ông Lê Văn N1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Ngọc T3 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 260,5m² (ký hiệu A) loại đất CLN thuộc thửa đất 232, tờ bản đồ số 07 do hộ ông Lê Văn B đứng tên chủ sử dụng trên Giấy chứng nhận QSDĐ số 000059 được UBND huyện T cấp ngày 03/4/1997, đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện T (nay là khu vực T, phường T, quận T). Vị trí kích thước các cạnh phần đất nêu trên được xác định theo Bản trích đo địa chính số 69/TTKTTNMT của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C lập ngày 20/7/2018...".

Căn cứ theo Mệnh trích đo địa chính số 62-2022 ngày 29/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận T, ông B lập thủ tục xin điều chỉnh diện tích và hình thể tại thửa đất 232, diện tích từ 499m² thành 733,3m² đất cây lâu năm (tăng 234,3m²). Phòng Tài nguyên và Môi trường quận T có Tờ trình số 222/TTr-PTNMT ngày 02/8/2022 gửi UBND quận T. Ngày 03/8/2022 UBND quận T có Công văn số 2269/UBND-TH thống nhất với nội dung Tờ trình số 222/TTr-PTNMT của Phòng TNMT quận.

Sau khi thực hiện xong các nghĩa vụ tài chính, ông N1 và bà T3 được UBND quận T cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04137 ngày 19/9/2022 tại thửa đất 1367 (tách từ thửa 232), diện tích

260,5m² đất CLN. Phần còn lại của thửa 232, hộ ông Lê Văn B được UBND quận T cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04136 ngày 19/9/2022 có số thửa 1371 (đổi từ thửa 232), diện tích 472,8m² (trong đó: 300m² đất ODT + 172,8m² đất CLN).

Căn cứ Bản án số 01/2021/DS-PT nói trên thể hiện ông Lê Văn B là nguyên đơn đại diện cho hộ gia đình để giải quyết tranh chấp. Đồng thời, theo nội dung Bản án cũng không thể hiện việc cấp lại cho chủ thể là cá nhân hay hộ ông B và quá trình đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ hộ ông B không có lập văn bản thỏa thuận hộ gia đình để xác nhận tài sản cá nhân ông B. Do đó, việc UBND quận T cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04136 ngày 19/9/2022, tại thửa đất số 1371, diện tích 472,8m² (trong đó: 300m² đất ODT + 172,8m² đất CLN) cho hộ ông Lê Văn B là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2024/HC-ST ngày 15/8/2024 của Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên xử như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, 116, 158, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 118 Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ vào Điều 95, 98 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 2 Mục V Thông tư số 302 TT/ĐKTK ngày 28/10/1989 của T4;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Lê Văn B. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04136 ngày 19/9/2022 “Hộ ông Lê Văn B”. Buộc Ủy ban nhân dân quận T cấp lại giấy chứng nhận mang tên chủ thể cá nhân ông Lê Văn B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/9/2024, UBND quận T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B.

Ngày 30/8/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 48/QĐ-VKS-HC, kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B.

Diễn biến tại phiên toà phúc thẩm: Ông K là người đại diện hợp pháp của ông B không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; người bị kiện vắng mặt tại phiên toà nên không thể hiện ý kiến; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định kháng nghị; các đương sự không cung

cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

Ông K: Bảo lưu những ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm và đã được bản án sơ thẩm ghi nhận. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của UBND quận T, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của UBND quận T và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ làm trong hạn luật định, đúng hình thức, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng nghị, kháng nghị: Đất có nguồn gốc của vợ chồng ông B, các con ông B xác định không có công sức đóng góp, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp lần đầu vào năm 1990 ghi cấp cho cá nhân ông B. Bản án dân sự phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật công nhận đất cho cá nhân ông B, không đề nghị cấp lại cho hộ ông B. Việc UBND quận T khi cấp đổi giấy chứng nhận ghi cấp cho hộ ông B là không đúng. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà rút toàn bộ quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của UBND quận T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của UBND quận T và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 48/QĐ-VKS-HC ngày 30/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ làm trong hạn luật định; UBND quận T đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm, nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người bị kiện có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 04136 do UBND quận T cấp cho hộ ông Lê Văn B ngày 19/9/2022 (viết tắt là Giấy chứng nhận số CH 04136). Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai của UBND cấp huyện. Ông B đã có đơn khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận này nhưng không được thụ lý, giải

quyết và ngày 20/8/2023 ông B nộp đơn khởi kiện yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý, xét xử vụ án là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện, phù hợp với các quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà rút toàn bộ quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với quyết định kháng nghị đã rút theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 229 Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của UBND quận T, nhận thấy:

[4.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Giấy chứng nhận CH 04136: UBND quận T là cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai tại địa phương nên có chức năng cấp Giấy chứng nhận số CH 04136.

[4.2] Về nội dung:

[4.2.1] Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 3217/GCNRĐ ngày 26/9/1990 ghi cấp cho cá nhân ông B và tại Đơn xin đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/3/1997, ông B không yêu cầu thay đổi về chủ sử dụng đất, nhưng khi cấp đổi lần 2, UBND huyện T cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000059/QSĐĐ ngày 03/4/1997 (viết tắt Giấy chứng nhận số 000059) ghi cấp cho “*Hộ Lê Văn B*” là không đúng quy định tại khoản 2 Mục V của Thông tư số 302 TT/ĐKTK ngày 28/10/1989 của T4 về việc hướng dẫn thi hành quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4.2.2] Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 01/2021/DS-PT ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ (đã có hiệu lực pháp luật), xác định toàn bộ diện tích đất mà ông B được cấp giấy chứng nhận lần đầu năm 1990 là do ông thừa hưởng của ông bà cha mẹ để lại, các con đều thừa nhận không có công sức đóng góp, tạo lập. Mặt khác, tại phần quyết định của bản án này công nhận phần đất tranh chấp có ký hiệu B, C (tức phần đất mà Giấy chứng nhận số CH 04136 ghi cấp cho hộ ông B) thuộc quyền sử dụng của cá nhân ông B; đồng thời bản án này cũng không kiến nghị điều chỉnh tên cá nhân ông B sang hộ ông B. Do đó, việc UBND quận T tự ý ghi cấp cho “*Hộ Lê Văn B*” trong Giấy chứng nhận số CH 04136 là trái với nguồn gốc tạo lập và bản án đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ, đúng pháp luật. UBND quận T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm, nên kháng cáo của UBND quận T là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án sơ thẩm ghi buộc UBND quận T thực hiện nhiệm vụ cụ thể là chưa đúng, cần điều chỉnh cho phù hợp.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: UBND quận T phải nộp 300.000

đồng.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, điểm c khoản 1 Điều 229 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 48/QĐ-VKS-HC ngày 30/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ.

Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2024/HC-ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào khoản 2 Mục V của Thông tư số 302 TT/ĐKTK ngày 28/10/1989 của T4 về việc hướng dẫn thi hành quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 04136 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 19/9/2022 cho “Hộ ông Lê Văn B”.

- Buộc Ủy ban nhân dân quận T thực hiện nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân quận T phải nộp 300.000 (ba trăm) ngàn đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 66 ngày 07/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Ủy ban nhân dân quận T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[4] Bản án hành chính có hiệu lực pháp luật được thi hành theo các quy định tại Chương XIX Luật tổ tụng hành chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Minh Tâm – Nguyễn Văn Minh

Võ Văn Khoa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

Võ Văn Khoa